

Biểu mẫu 01

*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**PHÒNG GD&ĐT TX ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MN TRÀNG AN**

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được	Kênh BT: 100% Suy DD: 0%. Trẻ béo phì: 0%.	Kênh BT: 98% Suy DD: 0,7% Béo phì: 1,3%
II	Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được	95	98
III	Chương trình chăm sóc giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Chương trình Giáo dục mầm non sửa đổi bổ sung theo Thông tư 28/2016-BGDĐT 100%	Chương trình Giáo dục mầm non sửa đổi bổ sung theo Thông tư 28/2016-BGDĐT 100%
IV	Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục	98	98

Tràng An, ngày 25 tháng 05 năm 2021
Thủ trưởng đơn vị

Đoàn Thị Thùy Dương

PHÒNG DG&ĐT TX ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MN TRÀNG AN

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2020-2021

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	305		14	26	70	80	115
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	305		14	26	70	80	115
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	305		14	26	70	80	115
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	305		14	26	70	80	115
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	305		14	26	70	80	115
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Kênh bình thường	299		14	26	69	78	112
2	Kênh dưới -2					01	01	
3	Kênh dưới -3							
4	Kênh trên +2						01	03
5	Kênh trên +3							
6	Phân loại khác							
7	Số trẻ em suy dinh dưỡng	02				01	01	
8	Số trẻ em béo phì	04					01	03
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	305		14	26	70	80	115
1	Đối với nhà trẻ							
a	Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 3-36 tháng	40		14	26			
b	Chương trình giáo dục mầm non - Chương trình giáo dục nhà trẻ							
2	Đối với mẫu giáo	265				70	80	115
a	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	265				70	80	115
b	Chương trình 26 tuần							
c	Chương trình 36 buổi							
d	Chương trình giáo dục mầm non- Chương trình giáo dục mẫu giáo							

Tràng An, ngày 25 tháng 05 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Đoàn Thị Thùy Dương

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	09	4,3 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	07	4,7 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	02	
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	02	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	5213,9	17,7 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1800	6,1 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	590	2,0 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	160	0,54m ² / trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	130	0,45m ² / trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	150	0,51m ² / trẻ
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	120	0,4 m ² / trẻ
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	07	Số bộ/nhóm (lớp)
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	07	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	09	1 cái/lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	09	1 cái/lớp
3	Máy phô tô	1	
5	Catsset		
6	Đầu Video/đầu đĩa	10	1 cái/lớp
7	Thiết bị khác		
8	Đồ chơi ngoài trời	2	
9	Bàn ghế đúng quy cách	140	15 bộ/lớp
10	Thiết bị khác...		
..			

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		07		0,4m ² /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

Tràng An, ngày 25 tháng 05 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Đoàn Thị Thùy Dương

PHÒNG GD&ĐT TX ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MN TRÀNG AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37			19	9		9	19	1	6	26			
I	Giáo viên	23			15	8			19	1	3	23			
1	Nhà trẻ	5			4	1			3	1	1	5			
2	Mẫu giáo	18			11	7			16		2	18			
II	Cán bộ quản lý	3			3						3	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
III	Nhân viên	11			1	1		9							
1	Nhân viên kế toán kiêm văn thư	1			1										
2	Nhân viên y tế kiêm thủ quỹ	1				1									
5	Nhân viên khác (cấp dưỡng, bảo vệ, vệ sinh)	9						9							

Tràng An, ngày 25 tháng 05 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Đoàn Thị Thùy Dương